

# LỊCH SỬ CHỮ QUỐC NGỮ



Người Việt ta từ ngàn năm xưa đã có chữ viết riêng. Chữ Việt cổ là loại chữ tượng thanh, ghép những chữ cái thành từ. Chữ Việt có trước cả chữ Hán hàng ngàn năm và hoàn toàn khác chữ Hán. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Việt nam đã có những khám phá và còn tiếp tục truy tìm. Cùng với các nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học Pháp, Anh, Mỹ, Tiệp và nhất là Trung Hoa (Lục Lưu, Hứa Thân, Trịnh Tiểu) đều khẳng định người Việt đã có chữ viết riêng từ trước kỷ Công nguyên (BC).

Bộ chữ này lưu lại trong nền văn hóa tiền Việt – Mường. Trên các mặt Trống Đồng và nhiều di vật cổ xưa khác đã được khai quật ở Bắc bộ, Bắc Trung bộ và rải rác ở vùng cực bắc biên giới Việt Nam, đều có một dạng ký hiệu giống nhau, những hình con nòng nọc là những tự dạng, biểu tượng để ghi chép lại những âm thanh cấu thành từ ngữ. Đó chính là chữ Việt cổ, bộ chữ Việt cổ ấy dùng để ghi tiếng nói của người Việt từ ngàn xưa.



Trống đồng Đông Sơn tại Bảo tàng Guimet, Paris, Pháp

Tổ tiên chúng ta đã từng phải sống qua một quá trình đô hộ lâu dài của Trung Hoa, với âm mưu hủy diệt nền văn hóa Việt Nam chúng đã bắt dân ta dùng chữ Hán để bức tử, tuyệt diệt với chữ Việt cổ, với mục đích đồng hoá dân tộc. Chữ viết tiếng Việt (bộ chữ Khoa đầu) thời bấy giờ là đối tượng bị Trung Hoa hủy diệt trước nhất, bởi nó phản ánh tư tưởng, linh hồn, văn hóa của dân tộc Việt.

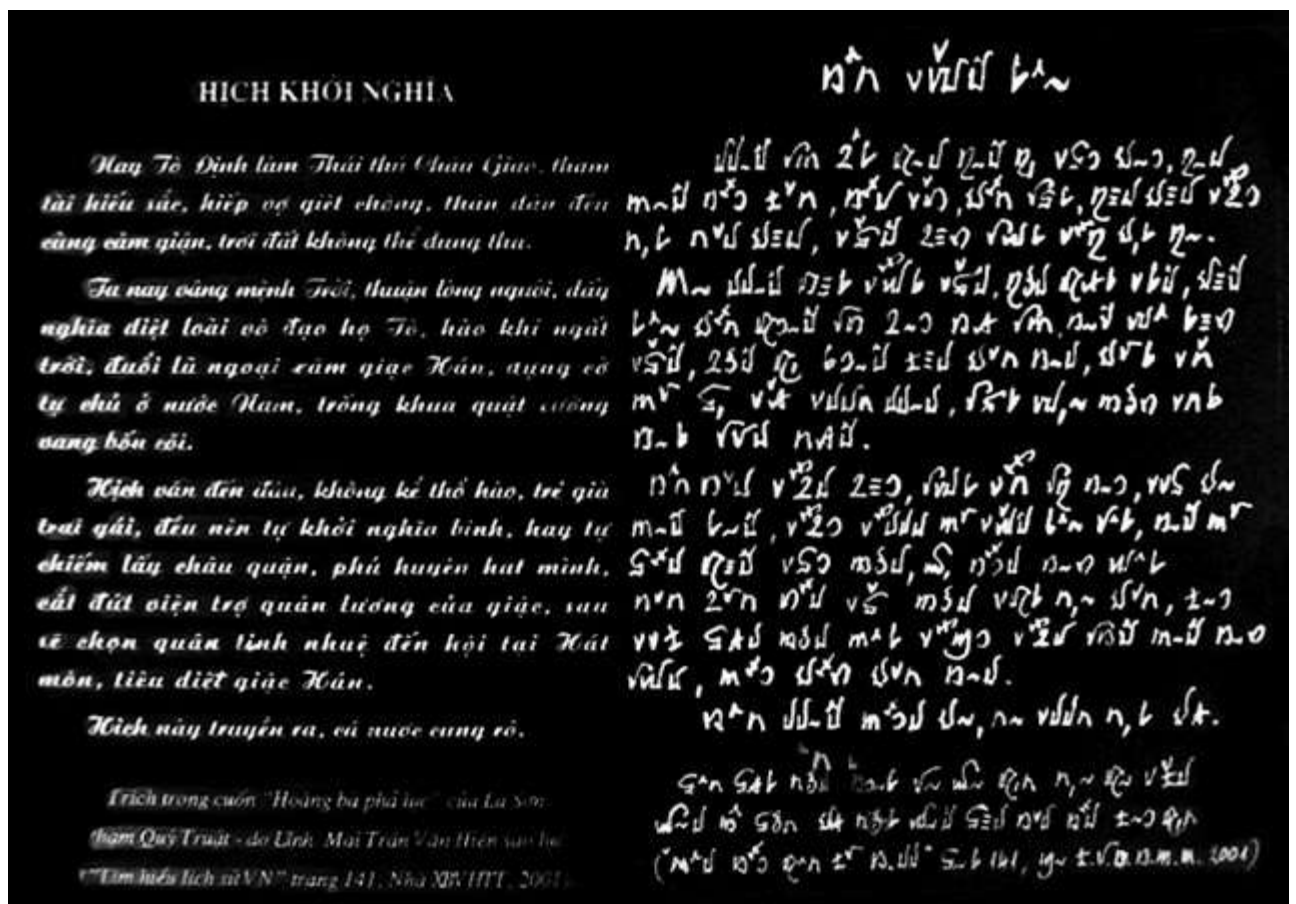
Hịch khởi nghĩa của Hai Bà Trưng kêu gọi toàn dân đứng lên chống Tàu được viết bằng chữ Khoa đầu, chữ Việt cổ.

Trong sách Hậu Hán thư (後漢書), quyển 14 ghi: "Dân Giao Chỉ có linh vật là trống đồng, nghe đánh lên họ rất hăng lúc lâm trận.... "

Sách này còn viết rằng: "Mã Viện sau khi dập tắt cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng, đã tịch thu các trống đồng của các thủ lĩnh địa phương, một phần đem tặng, phần nấu chảy để đúc ngựa và đúc cột đồng Mã Viện."

Sử xưa cũng ghi lại rằng: " Sau khi nước Nam Việt của Triệu Đà bị người Hán xâm chiếm, văn hóa của Việt tộc bị chính sách đồng hoá. Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp đã bắt đốt hết sách Việt tộc, nhà nào cất giữ, lưu truyền thì bị giết hại. Các trống đồng Việt tộc bị Mã Viện tịch thu (năm 43), tiếp theo sau là cuộc cướp phá, tiêu hủy sách vở Việt tộc của nhà Minh đầu thế kỷ 15..."

Với chính sách tận diệt văn hóa Việt như trên, chữ “Khoa Đầu” của người Việt cổ và có thể cả chữ “tượng hình” sơ khai của thời Văn Lang, Âu Lạc, sau một ngàn năm bị đô hộ, đã bị xoá sạch, vì thế không thể phổ biến được cũng là điều dễ hiểu.



Hịch khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, viết bằng chữ Khoa Đầu.



Chữ Việt cổ trên thân Trống Đồng Lũng Cú.

Tuy nhiên, với chí khí bất khuất của người Việt, luôn khát vọng độc lập tự do, ông cha ta từ chữ Hán tượng hình đã chế tác ra thứ chữ Nôm để sử dụng, nhằm mục đích giữ gìn nền văn hoá Việt Nam cận đại và bản sắc văn hóa thuần túy dân tộc Việt.

Nhìn chung Việt Nam vào thời điểm lịch sử cổ, trung đại, vẫn chưa chính thức có trường lớp nào dạy nói và viết tiếng Việt. Người Việt chúng ta ngày xưa đa số được học (nói) tiếng Việt ngay từ lúc lọt lòng mẹ, trong sinh hoạt gia đình và thông qua những giao tiếp hàng ngày ngoài xã hội là chính. Ở giai đoạn này chữ viết vì chưa truyền bá phổ thông trong dân chúng nên các câu Ca Dao, Tục Ngữ, Thơ ngắn, dài (1) nhờ có vần, có điệu, nên mau thuộc và dễ nhớ; là loại văn chương ca dao truyền khẩu được phổ biến rộng rãi trong nhân gian và ngày càng phong phú, súc tích.

Trong quá trình xã hội phát triển, dân tộc Việt Nam ta đã tiếp xúc giao lưu với nhiều dân tộc khác. Trong tiếp xúc trao đổi thông tin với nhau, vấn đề học hỏi và hiểu rõ ngôn ngữ của nhau trở nên nhu cầu cần thiết.

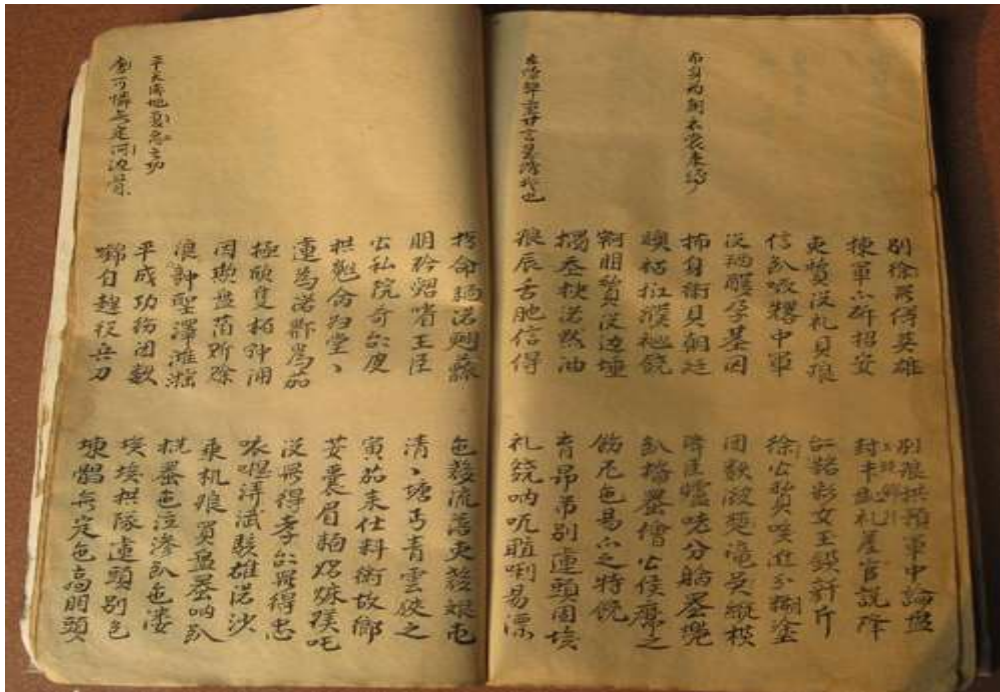
Vào thế kỷ XV. Sứ thần Trung Quốc đã phải nhờ đến các cơ quan phiên dịch ở Trung Quốc như Hội thông quán, Tứ Di quán, Tứ Dịch quán làm nhiệm vụ phiên dịch mỗi khi giao tiếp với Việt Nam. Các cuốn từ vựng đối chiếu tiếng Hán với một số thứ tiếng khác được lần lượt biên soạn, trong đó có cuốn An Nam Dịch Ngữ (\*) là cuốn từ điển dùng để đối chiếu tiếng chữ Hán với chữ tiếng Việt.

(\*) An Nam Dịch Ngữ là bản từ vựng dùng cho cơ quan hành chính (nhà Minh) đặc trách giao dịch với Việt Nam từng phải triều cống.

Giai đoạn năm 939, thời Vua Ngô Quyền lập quốc, các triều đại Vua Việt Nam đã mượn chữ Hán (chữ Nho) để sử dụng trong hành chính, học thuật. Tuy nhiên, người Việt vẫn nói tiếng Việt, không công nhận chữ Hán (chữ Nho) là quốc ngữ. Tổ tiên ta luôn tìm cách sáng tạo ra quốc ngữ riêng và đã dựa trên chữ Hán để chế ra chữ Nôm. Chữ Nôm được ghi nhận chính thức xuất hiện vào thế kỷ 13, khi quan Hình Bộ Thượng Thư: Nguyễn Thuyên, triều Trần Nhân Tông (1279-1293), làm bài văn “Té cá sáu” (2) bằng chữ Nôm. Vào thời này, chữ Nôm được xem là Quốc ngữ bên cạnh chữ Nho, nên tập thơ chữ Nôm của Chu Văn An (1292–1370) được ông gọi là Tiểu ấn quốc ngữ thi tập (Tập thơ quốc ngữ). Đoạn Trường Tân



Thanh (Kim Vân Kiều) của thi hào Nguyễn Du, là một trong những tiêu biểu hàng đầu những thành tựu đáng kể của chữ Nôm đã đóng góp cho nền văn hoá Việt Nam cận đại. Tuy nhiên, chữ Nôm vì được cấu tạo trên căn bản chữ Nho, nên khi muốn học chữ Nôm thì phải biết chữ Nho (chữ Hán). Vì vậy chữ Nôm khó học, không phổ thông trong dân chúng, và ít được sử dụng rộng rãi.



Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kim Vân Kiều) của thi hào Nguyễn Du



(Sách cổ viết chữ Nôm)

Đến giai đoạn thế kỷ 16, năm 1533. Khi các nhà truyền giáo phương Tây đến Việt nam để truyền dạy Đạo Thiên Chúa, các giáo sĩ đã nghiên cứu, và soạn ra bộ chữ từ chữ La tinh để viết và cách phiên âm tiếng Việt, dùng cho việc giảng đạo bằng ngôn ngữ Việt . Từ bộ chữ này đã trở thành Chữ Quốc Ngữ. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng nhất, có tính chất quyết định đã giúp cho ngôn ngữ Việt, và nền Văn Hóa Việt Nam được phát triển nhanh chóng.

Các giáo sĩ, tu sĩ Jesuit (Dòng Tên) <http://en.wikipedia.org/wiki/Jesuit> Người Bồ Đào Nha như Francisco de Pina, Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa, v.v. Sử dụng chữ cái La tinh để ghi chép, phiên âm Tiếng Việt.

Năm 1618, linh mục Francisco De Pina cùng với linh mục Phêrô, đã dịch Kinh Lạy Cha và các Kinh căn bản khác sang tiếng Việt, có thể xem đây là khởi đầu cho việc soạn thảo chữ Quốc ngữ. Các Linh mục tương đối hoàn tất hệ thống chuyển mẫu tự La-tinh thích hợp với cách giọng phát âm và thanh điệu tiếng Việt. Nhưng giai đoạn này chưa được đầy đủ.

Bản Kinh lạy Cha được viết tay năm 1632 nguyên bản như sau:

*Bản văn gốc tiếng Việt trong tài liệu (1632)*

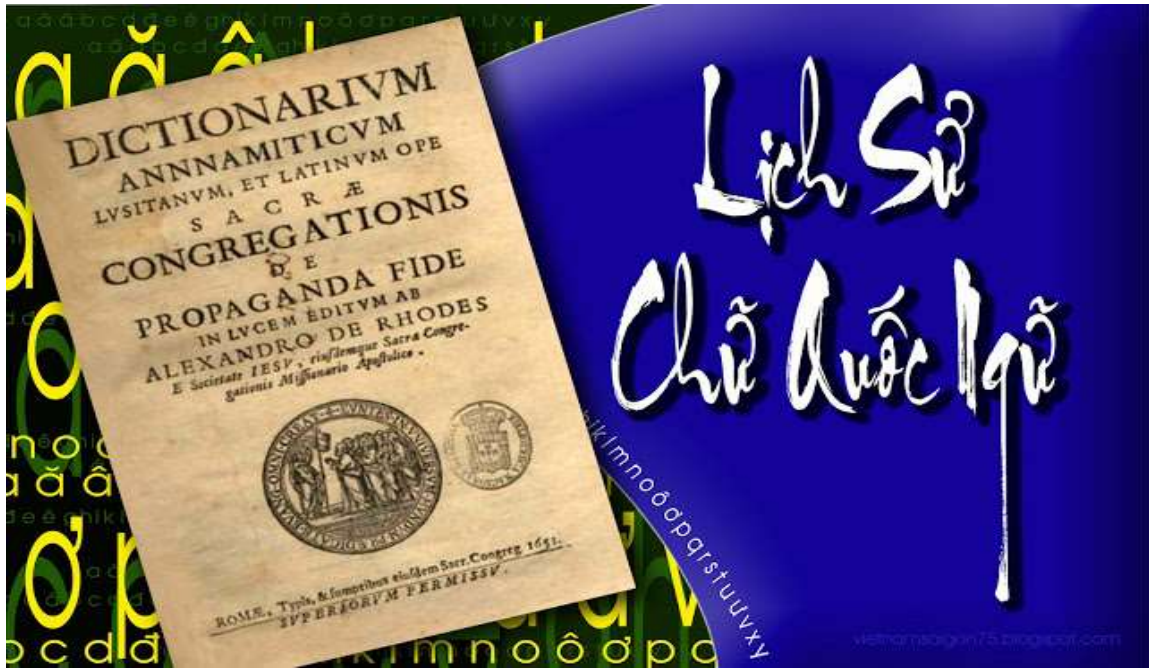
Cia ciúm toi ố tlen blời ciúm toi nguyẽn daim Cia cả sám. Coác Cia trí đen. Bum í cia lam ciúm đét bàm ciúm blời bẻi. Ciúm toi tloom cia rài cio ciúm toi hàm ngãi dum đũ. Mả tha nẻ ciúm toi bàm ciúm toi ít tha kẻ ciũ nẻ toi bẻi. Lãi cẻ đẻ ciúm toi sa ciúm cám đở. Bẻn cẻa ciúm toi ciúm tai đũ.

*Bản văn 1632 ghi lại theo chính tả được chuẩn hóa trong từ điển Alexandre de Rhodes (1651)*

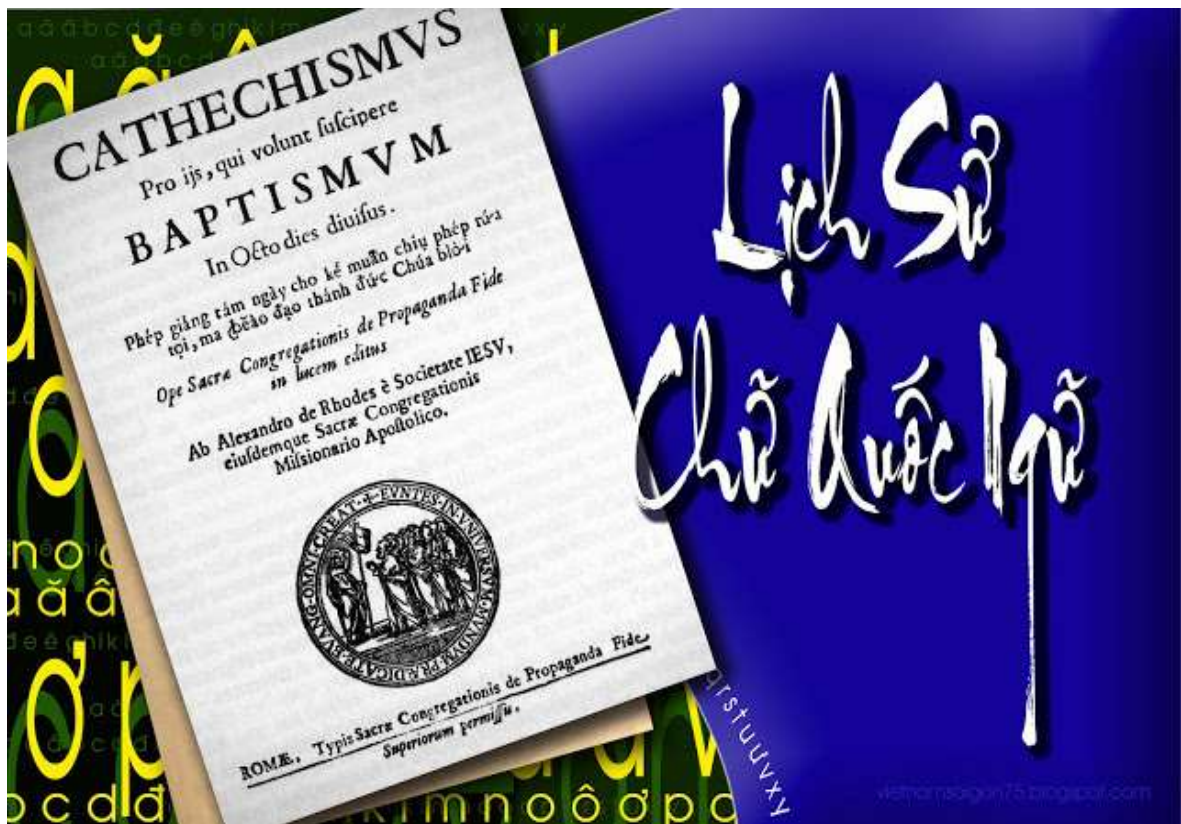
Cha chúng tôi ở trên blời, chúng tôi nguyẽn danh Cha cả sáng. Cuốc Cha trị đến. ßâng í Cha làm chung đất [đét] bằg chung blời ßậy. Chúng tôi tloũ Cha rày cho chúng tôi hàng ngày đũ đủ, mà tha nợ chúng tôi bằg chúng tôi ít tha kẻ chủ nợ tôi ßậy. Lại chớ đẻ chúng tôi sa chung cám đở, bẻn chữa chúng tôi chung tai đũ.

Người có công hoàn thiện công trình này là Giáo sĩ Alexandre de Rhodes (Tác giả cuốn Từ điển Việt-Bồ-La , Ngữ pháp tiếng An Nam, và “Bài giảng giáo lý Tám ngày” đầu tiên xuất bản vào năm 1651.





Từ điển Việt-Bồ-La



Phép Giảng Giáo Lý Tám Ngày (trang đầu)



Hình bìa “Sách Phép Giảng Giáo Lý Tám Ngày”

**Link sách **DOWN LOAD** (Phép Giảng Giáo Lý Tám Ngày)**  
(Tài liệu lưu trữ 88.3 MB dạng (pdf))

<https://www.dropbox.com/s/3eg88d2zf720bf2/PHEP%20GIANG%20%20NGAY%20%28TVST%29%20%20-%20%20Catechismvs%20%20%20Alexandre%20de%20Rhodes.pdf>

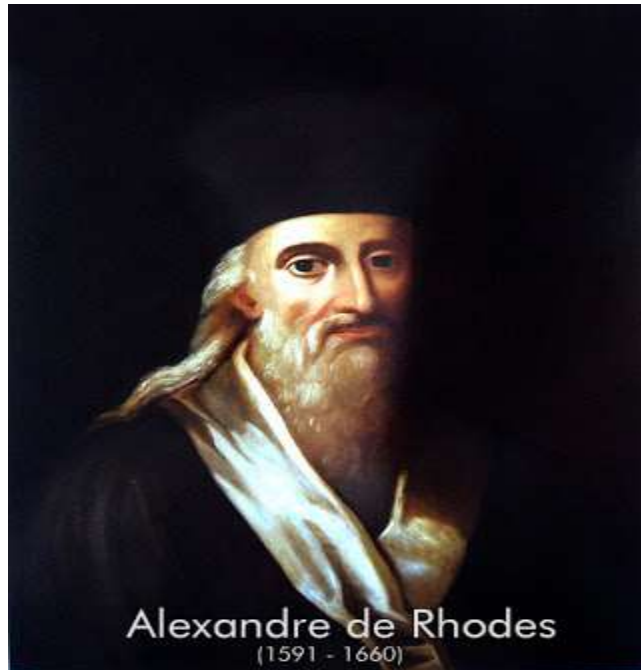
Đây là sách giáo lý được biên soạn để giúp cho các cha truyền dạy giáo lý tại Việt nam.

Cuốn sách được in bằng hai thứ tiếng: La tinh và Việt Nam.

Trên mỗi trang sách chia làm hai, có một gạch đôi từ trên xuống dưới: Bên tay trái của người đọc sách là chữ La tinh, bên tay phải là chữ Việt.

Để người đọc dễ dàng đối chiếu song ngữ. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes - Đắc Lộ, đặt ở đầu mỗi ý tưởng chính mẫu tự abc... cho hai phần La, Việt, rồi chính giữa trang sách cũng đặt mẫu tự abc... cho hai phần La Việt song song. Cuốn sách gồm có 319 trang.

Sách không chia ra từng chương, mà lại chia theo từng ngày học (Tám ngày), được trình bày in ấn có tính cách như một giáo trình sư phạm.



Giáo sĩ Alexandre de Rhodes  
[http://en.wikipedia.org/wiki/Alexandre\\_De\\_Rhodes](http://en.wikipedia.org/wiki/Alexandre_De_Rhodes)

Giáo sĩ Alexandre De Rhodes (Sinh năm 1591 tại Avignon, Pháp; mất năm 1660 tại Ispahan, Ba Tư). Ngài đã sang Việt Nam truyền đạo trong vòng sáu năm (1624 - 1630).

**Ngài là người có công rất lớn trong việc hệ thống hoá chữ viết tiếng Việt. Nhờ đó mà chữ Quốc Ngữ được hình thành và trở thành hệ thống có quy tắc và khoa học, dễ viết, dễ phát âm, dễ học.**

Nhìn chung, sự hình thành Quốc ngữ không phải do công sức cá nhân của một giáo sĩ, mà là công sức tập thể của nhiều giáo sĩ thuộc nhiều nước khác nhau, nhiều thế hệ khác nhau, đã đến truyền đạo tại Việt Nam. Và trong đó còn có sự đóng góp trực tiếp nhưng âm thầm của rất nhiều giáo sĩ Việt Nam và đồng bào giáo dân lúc bấy giờ.

**Chữ Quốc ngữ tuy ra đời từ thế kỉ 17 (1651) ở Việt Nam** nhờ công lao tâm trí của các Tu sĩ truyền giáo, nhưng bị giới hạn chỉ dùng để giúp các Cha giảng, truyền đạo. Vì lúc ấy triều đình phong kiến Việt Nam, đảng Trong lẫn đảng Ngoài với chính sách cấm đạo, và giết hại Giáo sĩ nên chữ Quốc ngữ đã không thể phát triển, truyền bá rộng rãi.

NGHE & Down load **(AUDIO BOOK THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM)**

**Quá trình hình thành và phát triển của chữ Quốc ngữ được hoàn chỉnh có thể chia làm 3 giai đoạn sau:**

*(Trích đoạn trong sách **Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ - Nghiên cứu của linh mục Đỗ Quang Chính**, do nhà sách Ra Khơi xuất bản tại Sài Gòn năm 1972).*

**Giai Đoạn Sơ Khởi (1620-1626):**

Các nhà truyền giáo Âu Châu đã đến Hà Tiên và Thừa Thiên từ giữa thế kỷ 16. Nhưng mãi sang đến đầu thế kỷ 17 những hoạt động truyền giáo này mới được ghi lại khá đầy đủ. Khởi đầu, các nhà truyền giáo đã đến Hội An để giúp đỡ các giáo



hữu người Nhật. Hội An (Hội Phố) thời ấy là một cảng buôn bán sầm uất, với những phố riêng cho người Nhật và người Hoa.

Theo sách cũ, người Âu Châu đầu tiên thạo tiếng Việt là linh mục Francisco de Pina, người Bồ Đào Nha (Portugal) (3) . Năm 1620, với sự công tác của người bản xứ, các tu sĩ Dòng Tên (Jésuite) tại Hội An đã soạn thảo một sách giáo lý bằng chữ Nôm. Từ năm 1621 trở đi, các nhà truyền giáo đã bắt đầu chuyển qua mẫu tự abc những địa danh, tên tộc, và từ-ngữ Việt trong những bản tường trình cho giáo hội về hoạt động của họ.

Dựa vào những tài-liệu viết tay còn được lưu trữ, trong giai-đoạn sơ khai của chữ Quốc Ngữ, các chữ thường được viết liền và không có đánh dấu. Thí dụ:

- Annam = An Nam
- Unsai = Ông Sãi
- Ungue = Ông Nghè
- Bafu = Bà Phủ
- doij = đỏi
- scin mocaij = xin một cái
- Sayc Chiu = Sách chữ
- Tuijciam, Biet = Tôi chẳng biết

#### **Giai Đoạn Hai (1631-1648)**

Những tài-liệu viết tay trong giai-đoạn này, đặc biệt là của linh mục d'Amaral, cho thấy chiều hướng mới trong cách viết chữ Quốc Ngữ. Các chữ được viết cách ra và đã được bỏ dấu. Nhiều chữ được viết như ta hằng thấy ngày nay. Thí dụ như:

- Nghệ An
- Bồ Chính

Nhiều chữ nhìn tương tự nhưng có lối đánh vần và bỏ dấu hơi khác

- Thính hoa: Thanh Hóa
- oũ bà phủ: Ông bà Phủ
- huyen: huyện
- sây: sãi

Ngoài những bản tường trình, giai đoạn này còn có ba tài-liệu quan-trọng khác. Một là biên-bản hội-nghị năm 1645 của 35 linh mục Dòng Tên tại Macao để xác nhận mô thức rửa tội bằng tiếng Việt Nam (4) . Hai là cuốn tự-điển Việt-Bồ-La của linh mục Gaspar d'Amaral (Diccionario anamita-português-latim). Ba là cuốn tự-điển Bồ-Việt (Diccionario português-anamita) của linh mục Antonio Barbosa (5) .

Đến năm 1972, biên bản cuộc hội nghị được lưu trữ tại Văn Khố Dòng Tên tại La Mã (6) . Còn hai cuốn tự-điển kia, lúc đầu được tàng trữ tại Văn Khố Dòng Tên tỉnh Nhật Bản tại Macao, đã mất tích sau các cuộc di chuyển của văn khố này từ Macao qua Manila (Phi Luật Tân), từ Manila qua Madrid (Tây Ban Nha). Sở dĩ chúng ta còn biết đến hai cuốn tự-điển này là vì chính Đắc Lộ, trong lời tựa của cuốn tự-điển mà ông

xuất-bản năm 1651, đã viết rõ là ông đã dùng hai cuốn tự-điển trên để soạn-thảo cuốn tự-điển của mình.

### **Giai Đoạn Ba (1649-1651):**

Giai đoạn này được đánh dấu bằng sự thống nhất cách viết chữ Quốc Ngữ và việc ấn hành hai cuốn sách quốc ngữ đầu tiên của Đắc Lộ (7) . Hai cuốn ấy là:

- Dictionarivm annamiticvm, Ivsitanvm, et latinvm, ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in Ivcem editvm. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4°
- Catechismvs pro iis, qui volunt suscipere Baptismvm, in Octo dies diuisus. Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, ma /beào (8) đạo thánh đức Chúa bời. Ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in Ivcem editus. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4° . *(Hết phần trích dẫn)*



Toàn Quyền Đông Dương Martial Merlin (Bên phải hình)

Mãi cho đến ngày 18 tháng 9 năm 1924 (Giai đoạn Pháp thuộc), toàn quyền Đông Dương Martial Merlin (1923-1925) đã ký quyết định chính thức cho dạy chữ Quốc Ngữ ở ba năm đầu cấp tiểu học, được phổ biến rộng rãi toàn quốc. Sự ra đời và truyền bá chữ Quốc ngữ mọi nơi, trong các trường học, đã giúp cho người Việt Nam, dễ dàng học hỏi, nghiên cứu khi tiếp xúc với văn hoá phương Tây qua sách báo, nâng cao nhận thức, dân trí phát triển cao hơn và nhanh hơn so với các nước trong vùng.

**Cũng nhờ từ đây, người Việt, tiếng Việt đã thật sự hoàn toàn thoát được ảnh hưởng chính sách Hán hóa của Trung Hoa đã đô hộ nước ta trong suốt gần 1000 năm.**



Học sinh trường Công giáo tỉnh Nam Định

Tinh thần sĩ phu (Nho giáo) xưa, ít nhiều bị lệ thuộc chẳng những Nho giáo mà cả văn hóa Trung Hoa. Việc bãi bỏ Nho học và thay đổi chữ viết từ chữ Nho (chữ Hán) sang Quốc ngữ, đã giúp Việt Nam chấm dứt vĩnh viễn giai đoạn lệ thuộc chữ Hán và văn hóa Trung Hoa.

Vì đắm chìm lâu đời trong văn hóa Trung Hoa, nên có người lầm tưởng rằng văn hóa Trung Hoa là văn hóa dân tộc, và những anh hùng, liệt nữ Trung Hoa là khuôn vàng thước ngọc cho văn hóa Việt, lịch sử Việt. Các tác giả chữ Nho xưa thường dùng điển tích về những vua quan, anh hùng, thần thánh, phong tục, tập quán của Trung Hoa để làm mẫu mực cho người Việt.

Nhưng từ khi có chữ Quốc ngữ, dân tộc Việt Nam thoát ra khỏi văn hóa Trung Hoa, nhiều người mới có cơ hội tìm thấy lại cội nguồn, trở lại bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Từ đây, nền văn hóa dân tộc càng ngày càng được đề cao trong nền văn học Quốc ngữ, trong Sử sách giáo khoa: Hai Bà Trưng, Triệu Nữ Vương, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng, Lê Lợi, Quang Trung mới là những anh hùng đích thực, những tấm gương sáng trong lịch sử của người Việt Nam.

Nhưng bất hạnh thay cho đất nước Việt Nam ngày hôm nay, (Hiểm họa Mất Nước) mà mọi người Việt Nam khắp nơi đang phải lên tiếng báo động khi nhìn thấy cầm quyền cộng sản Việt nam đã và đang đưa dân tộc ta trở về vòng u tối của lịch sử. Nhiều lễ hội trang trí với hình thức, màu sắc nặng tính chất Trung Hoa, những phim ảnh Trung Hoa 24/24 giờ tràn ngập trên truyền hình, lập "viện nghiên cứu Khổng Tử", mưu tính để chính thức đưa chương trình tiếng Hoa (Hán ngữ) vào trường phổ thông toàn quốc nhằm mục đích Hán hóa người Việt trong nước hiện nay cùng với nhiều hình thức khác. Song song là việc "Bộ giáo dục" cho xuất bản, in ấn trên "Sách Giáo Khoa Lịch Sử" với những hình ảnh bôi bác, bắt kính, miệt thị, xúc phạm các bậc tiền nhân, tổ tiên của dân tộc Việt. Và còn nhiều chuyện đã xảy ra mới đây trong chủ trương Hán hóa, mà những ai đang quan tâm đến vận mệnh đất nước đều biết rõ.





HAI BÀ TRƯNG TRONG SÁCH LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC 1975



HÌNH "minh họa" HAI BÀ TRƯNG TRONG SÁCH "LỊCH SỬ" CHXHCN - VIỆT CỘNG

<http://laodong.com.vn/Van-hoa/Hai-Ba-Trung-ma-nhu-vay-sao/30916.blđ>



Lễ Gọi hồn Mã Viện chứng giám Hai Bà Trưng sang chuộc tội ở Quảng Tây  
(Buổi lên đồng của đoàn văn công Việt nam biểu diễn tại Quảng Tây, Trung quốc)

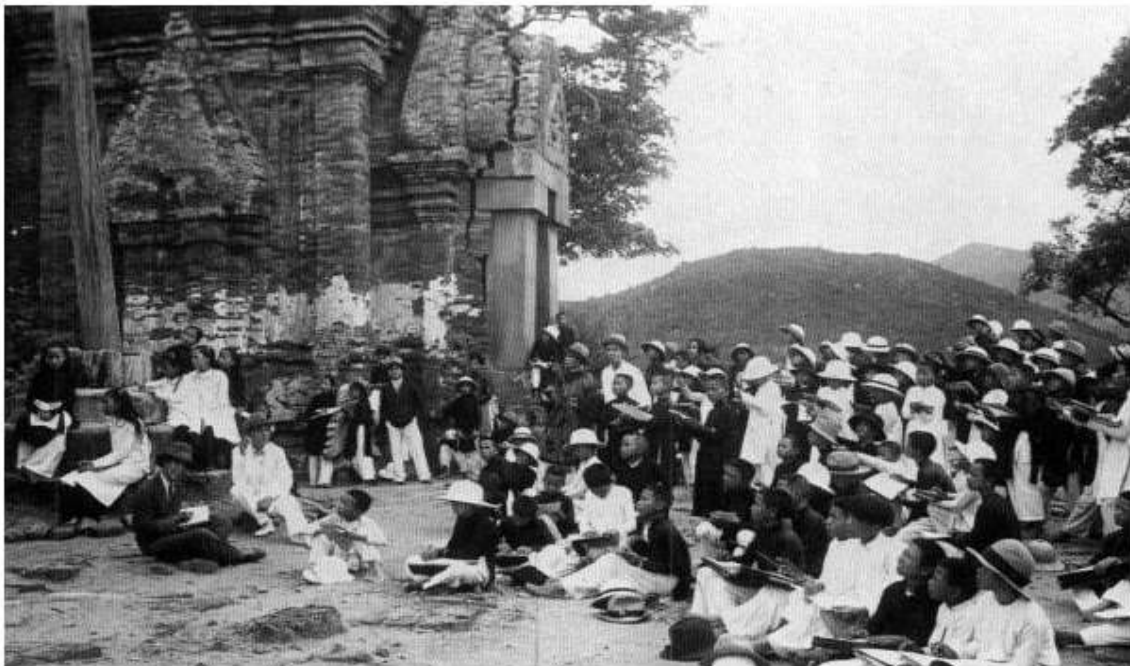


Hai Bà Trưng dâng rượu chuộc tội với Mã Viện  
(Buổi lên đồng của đoàn văn công Việt nam biểu diễn tại Quảng Tây, Trung quốc)

### **Trường dạy Quốc Ngữ đầu tiên ở Việt Nam**

Trường Trung học Adran (**Collège d'Adran**) (3) Là trường dạy Quốc Ngữ đầu tiên ở Việt Nam được các linh mục mở ở Sài Gòn từ năm 1861 - 1887.

Trường ADRAN Sài Gòn, đến năm 1954 được chia thành 2 Trường Trung Học : Trung học Võ Trường Toản và Trung học Trưng Vương.



Hình một lớp học trong buổi thực nghiệm ngoài trời.  
Chấm dứt thời kỳ của nền giáo dục chữ Hán, chữ Nôm: Lối học từ chương.





Một lớp học trong giờ Địa lý.



Hình Thầy đồ và các học sinh ngày xưa.





Quang cảnh trường thi Nam Định khoa thi năm Nhâm Tý (1912)



Giấy Khai Sinh năm 1938 còn sử dụng 4 ngôn ngữ (Hán, Nôm, Quốc ngữ và Pháp)

# GIA ĐỊNH BÁO

NGÀY PHÁT HÀNH TRÊN  
MỖI MỘT THÁNG LÀ 4 ĐY, CỖ NGÀY ĐÓNG VÀ THÌ PHÁT.

CỖ MỖI MỖI PHÁT GỬI CHO IMPRIMERIE NOUVELLE CLAUDE 21, CÔ SỞ 100  
ĐƯỜNG CANTON.

GIÁ MUA NHƯY TRÊN.

AI MUỐN MUA THÌ 100 PHÒNG THÔNG NGỮ ĐỊNH QUAN THỈNH ĐÓNG NAM-KY, MỖI  
MỖI MỖI CHỖ MỘT ĐY. MỖI NĂM GIẢ 6 ĐY 07, 0 THÁNG 5 ĐY 23, 30 THÁNG 1 ĐY 07.

## MỤC LỤC

### CÔNG VỤ.

#### NAM-KY THÔNG-ĐÓC PHỦ VỤ.

Lời định cho Nguyễn-vân-Điền cất nhà. — Lời nghị cho Lê-thanh-Huy  
cất nhà số 64 ở đường Cây-mai Chợ-lớn. — Lời nghị cho  
phạm Vương-thị-Phụng cất nhà số nhà người tại đường quân hạt số 4,  
hàng Tân-hoa-đông. — Lời nghị cho Lê-thanh-Huy cất nhà số 60 số 60  
hàng Tân-hoa-đông. — Lời nghị nhóm các thừa sai ông Minh-thanh-hà (gia-định)  
mà chỉ một thừa văn họ đồng địa hạt. — Lời định thì như sau.

QUAN LẠI THẮNG HOÀN.

### CÔNG VỤ

#### NAM-KY THÔNG-ĐÓC PHỦ VỤ.

Quan Thông-độc Nam-kỳ,  
Châu y đôn Nguyễn-vân-Điền ngày 14 novembre 1866 xin cất nương gian  
nhà người tại đất số 12 ở đường quân hạt số 2, hàng Tân-hoa-đông.  
(Định báo để đường đi.)  
Theo lời quan Quản-lý số Tạo tạo.

Nam định:

Điều thứ nhất. — Nhà ấy phải cất xa tìm đường 10 thước tây.  
Ngang cửa cao hơn một tìm đường 2 sít tây.  
Điều thứ 2. — Chẳng được cất chỉ trở ra ngoài lề đường nữa  
trên này.

Cửa làm và thâu trong.  
Điều thứ 3. — Cất rồi phải trình cho sở Kiến-lý xét lại. Bởi  
lâu lâu bốn bốn việc xét đi, một bốn gian cho chủ nhà, một bốn  
lưu tại sở Kiến-lý.

Điều thứ 4. — Quan Quản-lý thi hành lời nghị này.  
Sài-gon, 15 décembre 1865.

Vương quan Thông-độc,  
Quan quản-lý số Tạo tạo.  
GUSTAVE.

Quan Thông-độc Nam-kỳ,  
Châu y đôn Lê-thanh-Huy, ngày 9 décembre 1865, xin phép cất lại nhà  
nhà số 64, bốn số 64 thứ 3 chữ B, ở đường quân hạt số 4, đường cây-  
mai, chợ-lớn.  
Châu y đôn số đường Chợ-lớn.  
Nghĩ vì đã định ở đường Cây-mai xa tìm đường là 6° 50'.  
Y theo lời quan Quản-lý số tạo tạo.

Nam định:

Điều thứ nhất. — Mặt trước phải cất dọc theo lề đường xa tìm  
đường là 6° 50'.

Điều thứ 2. — Chẳng được cất lộ ra ngoài lề đường nữa trên  
này.

Cửa làm và thâu trong.  
Điều thứ 3. — Cất rồi phải trình cho sở Kiến-lý xét lại. Bởi  
lâu lâu bốn bốn việc xét đi, một bốn gian cho chủ nhà, một bốn  
lưu tại sở Kiến-lý.

Điều thứ 4. — Quan quản-lý số tạo tạo thi hành lời  
định này.  
Sài-gon, 24 décembre 1865.

Vương quan Thông-độc,  
Quan quản-lý số tạo tạo.  
GUSTAVE.

Quan Thông-độc Nam-kỳ,  
Châu y đôn Vương-thị-Phụng, ngày 4 décembre 1865, xin cất một sít  
nhà người tại đường quân hạt số 4, hàng Tân-hoa-đông.  
Nghĩ vì chừa có bốn số 4 chỉ ở phía đường đi, mà phải định ở xa tìm  
đường là 6° 50' như đường Cây-mai, ở đường Tân-hoa-đông.  
Y theo lời quan Quản-lý số tạo tạo.

Nam định:

Điều thứ nhất. — Lộ đường ấy định xa tìm đường là 6° 50'.

Điều thứ 2. — Chẳng được cất lộ ra ngoài lề đường nữa trên  
này.

Cửa làm và thâu trong.  
Điều thứ 3. — Cất rồi phải trình cho sở Kiến-lý xét lại. Bởi  
lâu lâu bốn bốn việc xét đi, một bốn gian cho chủ nhà, một bốn  
lưu tại sở Kiến-lý.

Điều thứ 4. — Quan quản-lý số tạo tạo thi hành lời nghị  
này.  
Sài-gon, 25 décembre 1865.

Vương quan Thông-độc,  
Quan quản-lý số tạo tạo.  
GUSTAVE.

Gia Định Báo in chữ Quốc ngữ lần đầu tiên phát hành tại Sài Gòn, ngày 15/4/1865.



Trương Vĩnh Ký - Pétras Ký (1837-1898)

Khi nói đến chữ Quốc ngữ, và Báo Chí Việt Nam thì cũng không thể quên công lao của Ông Trương Vĩnh Ký, ông là người đầu tiên sáng lập, khai sinh nên Báo Chí Quốc ngữ của Việt Nam, ông là Tổng biên tập tờ Gia Định Báo in chữ Quốc ngữ đầu tiên:

Ông Pétras - Trương Vĩnh Ký đã viết một bài khuyến khích việc học chữ Quốc ngữ, trong đó có đoạn như sau:

***“...Thầy Ký dạy học có làm sách mẹo (văn phạm) dạy tiếng Lang Sa (Pháp), có làm ra chữ Quốc ngữ (sic) để người ta dễ học. Những người ký lục (thư ký) giỏi cùng siêng năng sẽ lo mà học chữ quốc ngữ vì có hai mươi bốn chữ và viết đặng muôn ngàn chuyện, chữ chi mắc rẻ (khó dễ) cũng viết đặng, không phải như chữ Tàu học già đời mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây có Phủ Tùồng (Tôn Thọ Tùồng) đã học đặng chữ Quốc ngữ, viết đặng, đọc đặng. Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết...”***

Ông Trương Vĩnh Ký là một nhà văn, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục, và chuyên khảo cứu văn hóa tiêu biểu của Việt Nam. Với tri thức uyên bác, am tường và nhiều cống hiến lớn trên nhiều lĩnh vực văn hóa cổ kim Đông Tây, nên ông được:

- **Tấn phong Giáo sư Viện sĩ Pháp.**

- **Được nêu tên trong Bách khoa Tự**

**diễn Larousse** <http://www.larousse.fr/archives/pages/recherche.aspx?keyword=Truong%20Vinh%20Ky>,

- **Đứng vào vị trí "Toàn Cầu Bác Học Thập Bát Quân Tử"** tức là một trong 18 nhà bác học hàng đầu thế giới trong thế kỷ 19.

- **Đứng vào hàng những người biết nhiều ngoại ngữ bậc nhất trên thế giới**, ông viết và đọc thông thạo 27 ngoại ngữ, một nhà thông thái biết nhiều thứ tiếng nhất ở Việt Nam... (4) Ông đã để lại cho kho tàng Văn học Việt Nam hơn 100 tác phẩm về văn học, lịch sử, địa lý, từ điển và dịch thuật...

Nhưng ngay sau tháng 4 năm 1975, khi cộng sản cưỡng chiếm miền Nam, nhiều sách của



ông đã bị cộng sản tiêu hủy trong chiến dịch "Bài Trừ Văn Hóa Đồi Trụy, Phản Động", trường trung học Trương Vĩnh Ký bị đổi tên là Lê Hồng Phong, và tượng đài vinh danh ông đặt cạnh Nhà Thờ Đức Bà - Sài Gòn bị cộng sản phá hủy.



Tượng đài lịch sử, vinh danh ông Trương Vĩnh Ký cạnh Nhà Thờ Đức Bà trước 1975.

<http://www.vietnam.ttu.edu/virtualarchive/items.php?item=VA030117>



Mãi đến thời gian gần đây, phần tượng **lịch sử** còn lại của ông được đem ra triển lãm "**mỹ thuật**" trong Bảo Tàng Mỹ Thuật Tp HCM.

Các nhà khoa bảng, trí thức, cách mạng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, kết hợp với nhiều nhà trí thức cấp tiến thời đó, khởi xướng ra các phong trào Duy Tân, Đông Du nhằm vận động cải cách văn hóa, chính trị trên toàn quốc, kêu gọi bãi bỏ Nho (Hán) học, kêu gọi việc học Quốc ngữ để nâng cao dân trí, với lý do đơn giản: Quốc ngữ dễ học, dễ viết, dễ phổ cập hơn chữ Nho (Hán). Các ông đã vận động mở trường dạy quốc ngữ khắp nước, rầm rộ nhất là ở Quảng Nam (1905), Bình Thuận (Trường Dục Thanh, 1907) và Hà Nội (Đông Kinh Nghĩa Thục, 1907). Trong một bài thơ khuyến khích việc học quốc ngữ của Đông Kinh Nghĩa Thục, có đoạn viết:

**“... Chữ quốc ngữ là hồn trong nước, Phải đem ra tỉnh trước dân ta, Sách các nước, sách Chi-na, Chữ nào nghĩa ấy, dịch ra cho tường...”**



Các sĩ phu của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Khi phong trào Duy Tân, và Đông Kinh Nghĩa Thục ngày càng lớn mạnh, khiến cầm quyền thuộc địa Pháp lo ngại tinh thần yêu nước và chống thực dân Pháp của đồng bào Việt Nam. Việt Nam Vong Quốc Sử của nhà ái quốc Phan Bội Châu xuất hiện lúc bấy giờ là một trong những tiếng chuông thức tỉnh tinh thần dân tộc. Làn sóng yêu nước nổi lên khắp nơi, làm thực dân Pháp phải lo sợ, nên đã ngưng trợ cấp và đóng cửa một số trường.

# 飲冰室專集

## 越南亡國史

### 發端

痛莫痛於無國，痛莫痛於以無國。與子同病爾，且法人在越種種苛，彼美人放奴之舉，著書者之力也。俄布之爲宜，抑吾猶有私請者，我國今如而已。吾子試爲言越亡前事，或我國大多數人聞而自傷，因蹶然起，有復亦將賴之，余感其言，因披淚以著是篇。

### 一 越南亡國原因及事實

越南在漢唐以前，本交趾一部，與林邑、占城同爲榛莽未開之民族。秦趙尉佗時，漢馬伏波時，漸成一小小部落。迨宋以後，交趾英雄丁璿<sub>丁璿</sub>、李公蘊<sub>李公蘊</sub>等繼起，策路藍縷，開拓漸大，已全有珠崖象郡。文郎、越裳等各部，漸

越南亡國史



嘻，吾萬一，意則聽之，貴國

Bài mở đầu sách Việt Nam vong quốc sử, Phan Bội Châu.

*(Không có gì đau bằng người mất nước, cũng không có gì đau bằng người bị mất nước mà bàn việc nước! Tôi muốn viết đoạn sử mất nước này, nhưng đã bao phen lệ cạn huyết khô, mà cơ hồ không viết nổi chữ nào...)*

Chữ Quốc ngữ trong giai đoạn này vẫn ngày càng phổ biến, đã giúp dân chúng dễ dàng học, hiểu biết những sơ đẳng cần thiết trong đời sống, theo dõi sát các tin tức thời sự, các chuyển biến thời cuộc chính trị trong nước và thế giới qua sách báo, truyền đơn. Từ năm



1925 nhiều đảng phái chống Pháp được thành lập, truyền đơn, lời kêu gọi, sáng tác thơ văn yêu nước... đều viết bằng chữ Quốc ngữ.



Nền văn học Việt Nam vào năm 1933 chuyển biến mạnh, xuất hiện một thể loại Văn mới, là Văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ do ông Nguyễn Tường Tam, bút hiệu Nhất Linh và nhóm văn sĩ thành lập lấy tên: Tự Lực Văn Đoàn, với 10 năm sáng tác và hoạt động báo chí, khai sinh nên dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Nổi trôi trong những diễn biến lịch sử bất lợi, khó khăn của thời cuộc đất nước lúc bấy giờ, nhưng nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã cống hiến nhiều vào sự phát triển Văn Học của Việt Nam trong giai đoạn đầu thế kỷ 20. Toàn bộ những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn vẫn được lưu truyền tự do và được đưa vào trong giáo trình giảng dạy Văn học tại các trường Trung học miền Nam sau 1954 mãi cho tới 1975.



Lớp học Mẫu giáo trong giờ Tập Viết, giáo dục miền Nam trước 1975

Trước năm 1975, ở miền Nam hầu như không có tranh cãi gì nhiều về tiếng Việt, chữ Việt, ngoại trừ một vài tranh cãi nhỏ về chữ I và Y, Lí do hay Lý do, quý vị hay quý vị ...) hoặc có G hay không có G (sáng lạng hay xán lạn). Học sinh miền Nam khi học lên đến lớp 5 (Tiểu học), lớp 6 (Trung học) mà còn viết sai lỗi chính tả là một điều không thể chấp nhận được.

Nhưng từ khi Việt cộng cưỡng chiếm được miền Nam, thì Tiếng Việt, Chữ Việt đã bị Việt cộng thay đổi rất nhiều, và đôi lúc trở nên thứ ngôn ngữ quái thai. Thực ra thì chữ Việt đã được thay đổi từ lâu, ngay từ 1945 khi cộng sản còn ẩn núp dưới hai chữ Việt Minh đã dùng bạo lực, súng đạn để cưỡng đoạt, cướp đoạt chính quyền hợp pháp của chính phủ Trần Trọng Kim.

Không phải trong chế độ cộng sản Việt Nam không có người khá, người giỏi. Nhưng hầu hết những người này lại chẳng có quyền hạn gì, trong khi đó thì hầu hết bọn lãnh đạo lại ngu dốt, độc tài, ngoan cố, bạo lực nên chúng muốn nói ngang nói ngược, người dân ai cũng phải nghe theo, chẳng ai đại gì mà lên tiếng, phê phán hay cải sửa để bị chụp mũ là phản động và bị bỏ tù cải tạo, mang họa vào thân.

Chính vì thế mới có chữ Vẹm và tiếng Vẹm xuất hiện khắp nơi. "**Đường Kách mệnh**" , "**Giải Fóng**" Đó là Chữ Vẹm, tiêu biểu "đỉnh cao trí tuệ" XHCN.



Mãi tới khi người Việt tỵ nạn ở Hải Ngoại đã phải bàn cãi khi xuất bản sách, báo, đọc tin và nhất là khi tiếp xúc, nói chuyện với nhiều người Việt trong nước sau này đi đoàn tụ gia đình theo diện (ODP), các quân nhân và công chức của chế độ VNCH đi định cư ở Hoa Kỳ theo chương trình (HO), những bà con này đã vô tình quen dùng lối nói, viết một số tiếng Vẹm trong những năm tháng sống tại quê nhà, vì thế vấn đề xuất hiện tiếng Vẹm, chữ Vẹm ở hải ngoại đã được nêu lên và bàn luận rất nhiều.

### Thế nào là Tiếng Vẹm ? Thế nào là chữ Vẹm ?

Chữ Vẹm cũng thế, cũng là chữ Việt. Nhưng vì nó là chữ của Vẹm đặt ra Không Đúng Cách, Không Theo Một Nguyên Tắc Hay Quy Luật Nào Cả, nhiều chữ đọc lên, nghe rất ngô nghê và tức cười, nên ta gọi nó là chữ Vẹm.

Với chủ trương "cải hoá" "nôm hóa" ngôn ngữ Việt, cầm quyền Việt cộng đã lạm dụng nhiều từ thuần Việt quá mức, trở thành thô tục như:

“**Xường đẽ**” Việt cộng đã từng dùng thay cho “nhà bảo sanh”, “**nhà ỉa**” dùng thay cho nhà “vệ sinh”, hay “**linh thủy đánh bộ**” dùng thay cho “thủy quân lục chiến” ... và đặt ra nhiều từ sai hẳn với nguyên nghĩa”.



Chiến dịch Bài trừ Văn Hóa Đồi Trụy ( Sài gòn, ngày 21 tháng 5, 1975)

Việt cộng đã tạo ra một số chữ khác thường mà ta gọi là chữ Vẹm, có thể vì những lý do sau :

### **1) Việt cộng muốn tiêu hủy tất cả những gì mà chúng gọi là “tàn dư của Mỹ Ngụy”**

Thực vậy, ngay sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, việc đầu tiên mà Việt cộng làm, là bắt dân chúng phải tiêu hủy tất cả các văn hoá phẩm của miền Nam như sách báo, phim ảnh, băng nhạc " đồi trụy" "phản động". Do đó, một số chữ của người Việt Quốc Gia miền Nam dùng, dù hay ho, lịch sự tới đâu, chúng cũng muốn xoá bỏ, không dùng đến.

Thí dụ nơi để chúng ta bài tiết ra ngoài (tiểu tiện hoặc đại tiện), xưa người Bắc gọi là nhà xí, người Nam gọi là nhà cầu. Hai tiếng này nghe không được lịch sự cho lắm nên đã được chúng ta đổi là nhà vệ sinh. Ấy vậy mà chỉ vì muốn khác người, bọn cán cộng vô học đã bỏ đi và thay thế bằng hai chữ **nhà ỉa**.

Phải chăng đã tiến hoá theo chủ nghĩa xã hội của Việt cộng là như vậy ? Chẳng trách dân Việt Nam nay được bọn chúng cai trị, được bọn chúng “giải phóng” đã mỗi ngày một khổ cực, mỗi ngày một ngu si, dốt nát.

### **2) Việt cộng muốn chữ của chúng dùng phải khác chữ miền Nam chúng ta dùng.**

Việt cộng, chúng chỉ muốn chữ chúng dùng phải khác người, hay nói cho đúng hơn, là khác chữ của người Việt Quốc Gia dùng mà thôi, chứ không phải chúng muốn “**thoát ly tiếng Hán Việt**” như đã từng tuyên truyền một thời gian sau 1975.

Điều này đối với Việt cộng rất quan trọng, nhất là trong thời chiến, vì giúp cho chúng dễ phân biệt người đang sống tại vùng chúng đang kiểm soát với những người đang sống ngoài vùng chúng kiểm soát, để chúng dễ khám phá ra những thành phần mà chúng cho là gián điệp, phản động.

Vì vậy, chữ chúng đặt ra hay dịch ra loại chữ mới mà không cần biết là Hán hay Nôm, thanh hay tục, trong sáng hay tối tăm, xuôi hay ngược, đúng hay sai. Có chữ đang là chữ Hán Việt, chúng đổi sang chữ Nôm. Có chữ đang là chữ Nôm, chúng đổi sang chữ Hán Việt. Chúng chẳng theo một nguyên tắc hay quy luật nào cả.

#### **Thí dụ :**

Chúng ta nói là “phát ngôn viên” thì vẹm nói là : “người phát ngôn”

Chúng ta mượn tờ báo để đọc thì vẹm nói là "trao đổi văn hóa"

Chúng ta nói là "nhà bảo sanh" thì vẹm từng nói là "xưởng đẻ"

Chúng ta nói là “thăm viếng” thì vẹm nói là “tham quan”

Chúng ta nói là “ghi danh” thì vẹm nói là “đăng ký”

Chúng ta nói là “đá bóng” thì vẹm nói là “bóng đá”

Chúng ta nói là “yếu điểm” thì vẹm nói là “điểm yếu”

Chúng ta nói là “trở ngại” thì vẹm nói là “sự cố”

Chúng ta nói là “xuất cảng” thì vẹm nói là “xuất khẩu”



Chúng ta nói là "liên lạc" thì vẹt nói là "liên hệ"

Chúng ta nói là "đồng ý" thì vẹt nói là "nhất trí"

Chúng ta nói là "lo ngại" thì vẹt nói là "quan ngại"

Chúng ta nói là "hiểu rõ" thì vẹt nói là quán triệt"

Chúng ta nói là "chỉ tiêu" thì vẹt nói là "tiêu chí".

Chúng ta nói là "viên chức" thì nói nói là "quan chức".

Chúng ta nói là "chuyển âm" thì vẹt nói là "lồng tiếng".

Chúng ta nói là "dẫn giải" thì vẹt nói là "thuyết minh"

Chúng ta nói là "mìn nổ chậm" thì vẹt nói "bom hẹn giờ"

Chúng ta nói là "xe hơi" thì vẹt nói là "ÔTÔ CON"

Chúng ta nói là "Quan thuế" thì vẹt nói là "Hải quan".

( Hải ..) được vẹt gọi chung cho cả sân bay, bến tàu và cửa khẩu đường bộ

Chúng ta nói là "máy phát thanh" hay (RADIO) thì vẹt nói là "Đài".

Sau ngày 30 /4/1975 Bộ đội nào cũng muốn mua một cái "Đài" để mang về Bắc. Tiếc rằng ở SG chỉ có mỗi một cái Đài Phát Thanh duy nhất.

Chúng ta nói là "Trực thăng" thì vẹt nói là "máy bay lên thẳng"

Thế thì máy bay phản lực lên thẳng ngày nay, vertical take-off and landing (VTOL) cũng bay lên thẳng, thì vẹt sẽ gọi là gì để phân biệt..?

**Vi ngu dốt, nên khi vẹt đảo ngược hay thay thế bằng một chữ khác mà chúng chẳng biết và cũng chẳng cần biết là đúng hay sai nữa hoặc lẫn lộn ý nghĩa của chữ này với ý nghĩa của chữ kia chúng cũng không rõ.**

**Thí dụ 1 :**

Chữ "đơn giản" mà đọc ngược lại là "giản đơn" hay "vui buồn" đọc ngược lại là "buồn vui" tuy nghe có hơi lạ tai một chút, còn có thể chấp nhận được vì nghĩa của nó không khác nhau.

Nhưng chữ "**yếu điểm**" mà sửa lại là "**điểm yếu**" thì không thể chấp nhận được vì nghĩa nó khác hẳn.

Nhưng vì dốt nát, vẹt vẫn cố tình dùng chữ "điểm yếu" thay thế cho chữ "yếu điểm".

Chúng ta biết, về văn phạm, chữ Hán giống chữ Anh ở một điểm là tính từ luôn luôn đứng trước danh từ nên con ngựa trắng, người Anh gọi là white horse và người Tàu gọi là bạch mã.

Chữ yếu điểm cũng vậy, **yếu là tính từ** và **có nghĩa là quan trọng, yếu điểm là điểm quan trọng.**

Nhưng vì ngu dốt, Việt cộng chỉ muốn nói khác với chúng ta nên nói ngược lại là điểm yếu và tưởng rằng chúng đã nô hoá được chữ yếu điểm là chữ Hán.

Thế còn **nhược điểm** thì sao ? Nếu nói ngược lại thì **điểm nhược** là nghĩa gì ?

Vì ngu dốt lại nhưng hay nói chữ. Vì vậy mà ngày nay, nhiều nhà giáo Việt cộng đào tạo vẫn "hiểu" yếu điểm là điểm yếu và dạy lại học trò như vậy.

Trò chuyện qua Yahoo Messenger với một em học sinh hiện ở SG:

Thay vì dạy em nói "**con người đó có tính nhân bản**" thì giáo viên dạy em rằng "**con người đó có tính nhân văn**"

**Thí dụ 2 :**

Chúng ta nói :

"Xin các bạn cố gắng nhanh lên một chút vì tình trạng gấp rút, cấp bách lắm rồi"

Thì vেম lại nói:

"Xin các đồng chí tranh thủ ,khẩn trương vì tình trạng khẩn trương rồi".

Chúng ta dùng chữ cố gắng cho mệnh đề thứ nhất và chữ gấp rút cho mệnh đề thứ hai vì hai chữ này có ý nghĩa khác nhau. Nhưng đối với chúng thì cố gắng cũng là khẩn trương và gấp rút cũng là khẩn trương.

**Thí dụ 3 :**

Sau khi tham dự một buổi nói chuyện về một vấn đề văn học, nếu là chúng ta, chúng ta sẽ hỏi người tham dự :

"Xin anh cho biết **cảm tưởng** (cảm nghĩ) của anh sau khi nghe xong buổi nói chuyện này".

Nhưng nếu người hỏi là một văn nô Việt cộng, thì chắc chắn hẳn sẽ hỏi người tham dự :

"Xin đồng chí cho biết **cảm giác** của đồng chí sau khi nghe xong buổi nói chuyện này".

Đây chỉ là buổi nói chuyện về một vấn đề văn học, đâu có phải là một buổi vật lộn, đấu đá ghê gớm gì mà hỏi cảm giác ?

**Nhiều khi chúng ghép hai ba chữ kếp làm một khiến người đọc chẳng hiểu mô tê gì cả hoặc một chữ đã đầy đủ ý nghĩa rồi, chúng lại thêm một chữ nữa khiến chữ mới trở nên kỳ cục.**

**Thí dụ :**

Hùng vĩ và hiểm trở, vেম ghép thành Hùng hiểm,

Tương đương và thích hợp vেম ghép thành "Tương thích"

Quan tâm và lo ngại vেম ghép thành "quan ngại"

**Tối ưu** chẳng lẽ vেম đổi thành **Ưu tối** ? Nên chúng thêm chữ "**nhất**" thành "**tối ưu nhất**"  
Thật lạ lùng ! Đã **tối ưu** rồi đâu cần phải thêm chữ **nhất** vào làm gì?

### 3) Để bóp méo và xuyên tạc Lịch sử VN như:

Việt minh dùng vũ lực, súng đạn để cướp chính quyền hợp pháp chính phủ Trần Trọng Kim thì vেম gọi là [Cách Mạng Tháng 8 - 1945](#).

Cờ Vàng là cờ Truyền thống của Dân Tộc có từ bao đời thì vেম nói là Cờ 3 que, Cờ Ngụy.

Cờ đỏ sao vàng, gốc là của tỉnh Phúc kiến, Trung cộng hiện nay vেম dùng thì vেম gọi là cờ tổ quốc.

### 4) Không những chúng thay đổi CHỮ, chúng còn thay đổi cả NGHĨA.

Thí dụ :

Gài mìn, pháo kích vào trường học, nhà dân, bắt cóc, thủ tiêu, khủng bố, vেম gọi là "hoạt động cách mạng"

Để cướp chính quyền bằng vũ lực súng đạn, vেম gọi là "giải phóng nhân dân"

Để cướp đất đai của các điền chủ, vেম gọi là Cải cách ruộng đất.

Để bao che Đảng viên, cán bộ tham nhũng hối lộ thì vেম gọi là "đi đêm", "móc ngoặc", "có quan hệ xấu", "có hành vi tiêu cực" để giảm án hoặc tha tội.

Đề chìm xuống, xóa án thì vেম nói "Đang trong vòng điều tra"

Muốn cướp tài sản của các thương gia, vেম gọi là Đánh tư sản mại bán.

Cấm người dân buôn bán, vেম gọi là Cải tạo thương nghiệp.

Muốn trả thù quân nhân, công chức của chế độ cũ, vেম gọi là Học tập Cải tạo.

Xe hơi (ôtô con) chạy xăng thì chuyển ngược chạy bằng than thì vেম gọi là Cải Tiến

Người dân Vượt biên khi bị bắt thì vেম gọi là "thằng phạm, con phạm"...

Người dân Vượt biên nếu thoát thì vেম âu yếm gọi là Kiêu bào, "Khúc ruột ngàn dặm"

Để cướp đất dân oan, vেম gọi là KHU QUY HOẠCH

Đập phá nhà dân oan, vেম gọi là "giải phóng mặt bằng"

Để sống sót, vেম phải chuyển sang nền kinh tế tư bản thì vেম gọi là "Đổi mới"

Để biến dạng thành Tư bản Đỏ bóc lột nhân dân thì vেম gọi là "Kinh tế thị trường theo định hướng XHCN"

Sách báo bàn luận giải thích về Dân chủ, tự do thì vেম gọi là tài liệu phản động, công cụ khủng bố.



Muốn bỏ tù người tranh đấu cho tự do, dân chủ, vạ gọi là phản động, có âm mưu lật đổ chính quyền.

Để điều tra và có thể tống giam, vạ gọi là Giấy mời.

Biểu tình chống Trung cộng xâm lược thì vạ nói là “có sai phạm về tư tưởng và nhận thức chính trị”

Biểu hiện lòng yêu nước thì vạ nói là “kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước anh em”.

Trung cộng xâm lược biên giới Việt Trung thì vạ chỉ gọi duy nhất 2 chữ là "kẻ địch".

Tàu Trung cộng bắn giết ngư dân ta thì vạ gọi là **"Tàu Lạ Tấn Công"**  
**"Ngư Dân Bị Tàu Lạ Bắn Chết"**

Thay vì lên tiếng \* (phản đối) Trung cộng, thì vạ lại dùng từ \* (quan hệ) để giải quyết.

Tưởng niệm các chiến sỹ bị Hải quân Trung cộng sát hại, khi in trên báo vạ gọi Hải quân Trung cộng là **"HẢI QUÂN NƯỚC NGOÀI"**

Và còn nhiều không thể kể ra hết những chuyện sau 1975 cho đến hôm nay...

**Để tạm kết thúc cho bài viết này, chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại nền Văn hóa Vạ, ngôn ngữ Vạ ngày nay đang tiến bao xa, qua những hình dẫn chứng dưới đây:**



**Nhành Dẻ** (Hình trích từ Sách Giáo Khoa)



(Cấm Lái Xe .....Cài Quay)



Đèn Đỏ Được Đi Thăng !!! ???



(XE THÔ XƠ)







(... NẤU BÁNH CHƯNG , GIÃ BÁNH DÀY )



(Làng Văn Hóa Xóm ... !! )



(Thường Xảy ra tai nạn)



(Xử Lý...)



(LÃNG PHÌ)



(BÁN HÀNG RONG...)



(Thích Quảng Đức)





(Nóng Lòng chờ hỗ trợ)



(Sông Sâu Chờ Lợi)



(Tám Gương...)



HCM chưa bao giờ là Danh nhân Văn Hóa Thế Giới như VC tuyên truyền  
Thay vì in là DANH NHÂN để tuyên truyền lừa gạt, thì VC in sai là DOANH NHÂN.

Tóm lại, ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) là phương cách để con người giao tiếp, thông tin với nhau, hoặc diễn đạt tư tưởng của mình cho người khác biết. Ngôn ngữ cũng là một phần của văn hoá, là linh hồn của một dân tộc. Trải qua thời gian và không gian, ngôn ngữ không ít, nhiều đã phải thay đổi để cho phù hợp với nhu cầu, hoàn cảnh và đà tiến hoá của xã hội.

Những tác phẩm văn học, thơ ca, những bài hát, tranh tượng, hình ảnh nghệ thuật, của miền Nam trước 1975 một thời đã từng bị xé nát, đốt sạch trong chiến dịch bài trừ "Văn Hóa Đồi Trụy" của Việt cộng năm xưa. Ngày nay vẫn đang là những sách hiếm, quý trong tủ sách của những người dân Việt có tư duy, trình độ văn hóa, nhận thức.

**Việc thay đổi chữ cũ vì thô tục, vì thiếu nghĩa, vì không trong sáng, tạo lập thêm chữ mới để thay thế những chữ cũ không còn hợp thời hay không có, là một việc nên làm và còn là một trách nhiệm để làm phong phú cho chữ Quốc ngữ.**

**Nhưng nếu chỉ vì mục đích chính trị ngông cuồng, tự đại, hay chỉ vì lòng tự ty mặc cảm ngu dốt muốn che đậy sự tụt hậu của hệ thống văn hóa, giáo dục hiện nay mà Việt cộng thay đổi từ ngữ một cách nhỏ nhẻ, vô tội vạ, làm cho chữ Việt trong nước ngày nay càng trở nên thô tục, kỳ cục hoặc tối tăm, sai lạc ý nghĩa, thì đó không những là một điều sai lầm mà còn có tội ác đối với dân tộc.**

(1)

- Ca Dao: Câu hát ngắn thành khúc điệu được phổ thông trong dân gian
- Tục Ngữ: Câu nói có tính cách răn dạy hay châm biếm chuyện đời
- Châm Ngôn: Lời văn có vần điệu để khuyên đời
- Cách Ngôn: Lời nói làm khuôn phép (cách kiểu mẫu, khuôn mẫu)
- Ngạn Ngữ: Câu nói ngắn gọn của dân gian với mục đích răn dạy
- Phong Dao: Lời ca câu hát dân gian, diễn tả phong tục tập quán các địa phương.
- Phương Ngôn: Lời nói thông dụng của từng địa phương có ý nghĩa như câu tục ngữ
- Thành Ngữ: Những câu nói ngắn gọn, dùng khi nói hay viết đã được trau chuốt.
- Dân Ca: Những bài ca phát âm tiếng địa phương dân tộc, dễ hiểu và tâm tình dân tộc

(2) Văn "Té cá sấu"

Ngạc ngư kia hỡi mày có hay  
Biển Đông rộng rãi là nơi này  
Phú Lương đây thuộc về thánh vực  
Lạc lối đâu mà lại đến đây  
Há chẳng nhớ rằng nước Việt xưa  
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa  
Đời Hùng vẽ mình vua từng dạy  
Xuống nước giao long cũng phải chừa  
Thánh thần nói dối bản triều nay  
Dấy từ Hải Ấp ngôi trời thay  
Võ công lừng lẫy bốn phương tịnh  
Biển lặng sóng trong mới có rày  
Hùm thiêng xa dấu dân cày cấy  
Nhân vật đều yên đâu ở đây  
Ta vâng để mạng bảo cho mày  
Hãy vào biển Đông mà vùng vẫy.

(3) Adran: Là Tước Hiệu của Phu tá Giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc)

(4) Petrus - Trương Vĩnh Ký :

Ông đã được nhận các chức vụ và huân huy chương:

Huy chương Dũng sĩ cứu thế của Tòa thánh La Mã ngày 1 tháng 10 năm 1863.

Năm 1871, được cử làm hội viên Hội Nhân Văn và Khoa học vùng Tây Nam nước Pháp, Hội nhân chủng học, Hội Giáo dục Á châu.

Huy chương Isabelle la Catholique của Tây Ban Nha ngày 27 tháng 6 năm 1886.  
Thành viên Hội chuyên khảo về Văn hóa Á Châu ngày 15 tháng 2 năm 1876.  
Hội viên Hội chuyên học địa dư ở Paris ngày 7 tháng 7 năm 1878.  
Huy chương Hàn Lâm Viện đệ nhị đẳng của Pháp ngày 17 tháng 5 năm 1883.  
Huy chương Tứ đẳng Long Tinh, Ngọc Khánh, Long Khánh của Nam triều ngày 17 tháng 5 năm 1886.  
Huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh đệ ngũ đẳng của Pháp ngày 4 tháng 8 năm 1886.  
Huy chương Hàn Lâm Viện đệ nhất đẳng của Pháp ngày 3 tháng 6 năm 1887  
Hàn Lâm Viện đệ nhất đẳng của Hoàng gia Cam Bốt.  
Vua Đồng Khánh ban cho ông chức Hàn Lâm viện Thị giảng học sĩ.  
Vua Khải Định ban hàm Lễ Bộ Tham Tri.  
Vua Bảo Đại ban hàm Lễ Bộ Thượng Thư.

Posted by [VIETNAMSAIGON NGUYEN](#)

Nguồn: <http://vietnamsaigon75.blogspot.com/2012/09/lich-su-chu-quoc-ngu.html>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



[vietnamvanhien.net](http://vietnamvanhien.net)